**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ QUÝ IV.2021**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂNG ĐỘNG DC (“QUỸ”)**

**1.1 Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ được đặt ra phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

**1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét hoặc đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 205.56 (%) so với kỳ báo cáo (31/12/2020); thay đổi NAV/ccq cùng kỳ là +53.92 (%).

**1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

 Chiến lược đầu tư của Quỹ là đầu tư năng động vào các loại chứng khoán vốn của các công ty hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trái phiếu chuyển đổi cùng với các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam…), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Theo phân loại trong danh mục này, trái phiếu chuyển đổi sẽ là một phần trong danh mục chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư bao gồm khoảng 20% giá trị tài sản ròng của quỹ vào chứng khoán nợ và tiền, và khoảng 80% vào chứng khoán vốn, ưu tiên đầu tư vào cổ phiếu các công ty có vốn hoá lớn và vừa có tiềm năng tăng trưởng cao. Trong một số trường hợp, khi điều kiện vĩ mô và tình hình thị trường thay đổi, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% giá trị tài sản ròng so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

**1.4 Phân loại Quỹ**

Quỹ là quỹ công chúng dạng mở.

**1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

**1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình – cao.

**1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

 Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 20 tháng 5 năm 2004.

**1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 1,641,867,480,749 Đồng Việt Nam, tương ứng với 20,903,082.11 Chứng chỉ Quỹ.

**1.8 Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo**

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi chuyển đổi cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. **SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

**2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31/12/2021** | **31/12/2020** | **31/12/2019** |
| Danh mục chứng khoán  | 86.64% | 82.71% | 85.61% |
| Tài sản khác | 13.36% | 17.29% | 14.39% |
| **Cộng** | **100.00%** | **100.00%** | **100.00%** |

**2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiêu** | **31/12/2021** | **31/12/2020** | **31/12/2019** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 1,641,867,480,749 | 537,324,983,242 | 832,283,820,546 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND) |  20,903,082.11  |  10,529,255.21  |  20,424,071.94  |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND) | 78,546.66 | 51,031.62 | 40,750.14 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 80,499.98 | 51,031.62 | 42,537.26 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 72,379.84 | 41,019.09 | 39,660.26 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 7.91% | 24.77% | -1.68% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 1.20% | 21.59% | -2.25% |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 6.71% | 3.18% | 0.57% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ |  Không có |  Không có |  Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ |  Không có |  Không có |  Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) |  Không có |  Không có |  Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2.70% | 2.51% | 2.29% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 212.49% | 62.11% | 47.33% |

**2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQhàng năm (%)** |
| 1 năm | 53.92 | 53.92 |
| 3 năm | 113.19 | 28.70 |
| Từ khi thành lập | 685.47 | 12.41 |

**2.4. Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | 31/12/2021 | 31/12/2020 | 31/12/2019 | 31/12/2018 |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 53.92% | 25.23% | 10.61% | -9.63% |

1. **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

Chỉ số VN Index tăng 1.3% và đóng cửa tại 1498 điểm trong tháng 12. Giá trị giao dịch giảm 17% so với tháng trước, xuống mức $1.191 triệu trên HOSE và $1.446 triệu trên cả 3 sàn. Kết thúc năm 2021, chỉ số VN Index đạt mức tăng 35.7% so với cuối năm trước.

Những điểm chính của thị trường trong quý 4 và năm 2021:

i. VNI tăng 1.3% trong tháng 12 và có thể tăng cao hơn nếu không bị các yếu tố thời vụ ảnh hưởng;

ii. Cổ phiếu vốn hóa nhỏ tiếp tục đà tăng, nhưng dòng tiền sẽ hướng tới nhóm vốn hóa lớn để phản ánh đà phục hồi kinh tế;

iii. Thị trường thuộc nhóm dẫn đầu toàn cầu năm 2021 và đạt được những tiến bộ lớn;

iv. Quá trình phục hồi kinh tế chỉ mới bắt đầu và định giá cổ phiếu vẫn đang hấp dẫn

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)**

1. **CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 25.74% | 39.50% | 502.27% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 28.18% | 73.70% | 183.20% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 53.92% | 113.19% | 685.47% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 53.92% | 28.70% | 12.41% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A | N/A | N/A |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | 27,515.05 | 41,703.87 | 68,546.67 |

 

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/12/2021** | **31/12/2020** | **Tỷ lệ thay đổi** |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 1,641,867,480,749 | 537,324,983,242 | 205.56% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 78,546.66 | 51,031.62 | 53.92% |

Trong giai đoạn 31/12/2020 – 31/12/2021, quỹ DCDS có giá trị tài sản ròng (NAV) trên một chứng chỉ quỹ tăng 53.92% nhờ kết quả tăng trưởng tốt của danh mục Quỹ. Tổng giá trị tài sản ròng tăng 205.56% trong cùng giai đoạn nhờ vào nguồn vốn mới từ nhà đầu tư.

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ** **(Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| **(%)** |
| Dưới 5.000 | 11,440 | 4,947,268.20 | 23.67% |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 231 | 1,587,009.77 | 7.59% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 183 | 3,639,542.23 | 17.41% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 50 | 6,717,823.99 | 32.14% |
| Trên 500.000 | 4 | 4,011,437.92 | 19.19% |
| **Tổng cộng** | **11,908** | **20,903,082.11** | **100.00%** |

**4.3 Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ DCDS, Công ty qui định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ DCDS với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

1. **THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng 5.2% trong quý 4 và GDP cả năm đạt 2.59%. Động lực chính cho GDP đến từ lĩnh vực sản xuất với mức tăng trưởng 4.1%; Nông nghiệp và dịch vụ tăng với mức khiêm tốn hơn, lần lượt là 2.9% và 1.2% so với năm ngoái. Kết thúc năm 2021, Việt Nam vẫn chưa quay về trạng thái bình thường trước dịch thể hiện qua sự sụt giảm 3.8% của bán lẻ, du khách nước ngoài qua Việt Nam vẫn còn hạn chế. Tuy nhiên những gì Việt Nam đạt được trong năm 2021 sẽ là nền tảng vững chắc cho một năm 2022 đầy triển vọng. Hoạt động thương mại có cú nước rút ngoại mục trong quý 4, giúp tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam kết thúc năm ở mức kỷ lục 668.5 tỷ USD, tăng 22.7% so với năm ngoái. Nhập khẩu đạt 332.3 tỷ USD, tương đương với mức tăng 26.6%, xuất khẩu đạt mức tăng thấp hơn do ảnh hưởng của các biện pháp giãn cách với mức tăng 19.1%, tương đương 336.3 tỷ USD. Chính phủ Việt Nam tập trung vào mục tiêu phục hồi kinh tế với gói kích thích kinh tế 350,000 tỷ đồng (4.7% GDP) dự kiến sẽ được thông qua vào giữa tháng này. Mặc dù quy mô gói không lớn như kỳ vọng, tuy nhiên nếu thực hiện một cách hiệu quả, thì tác động của gói hỗ trợ đối với nền kinh tế trong năm tới vẫn rất đáng kể.

**6 THÔNG TIN KHÁC**

 **Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:**

* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh, Thạc sỹ Kinh tế. Bà hiện là Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.
* Ông Trần Lê Minh, Thạc sỹ Quản Trị Tài chính. Ông hiện là Giám đốc chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

 **Ban Đại diện Quỹ gồm có:**

* Ông Lưu Đức Khánh, Chủ tịch, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế. Ông hiện là Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng HDBank từ năm 2009 đến nay đồng thời là Giám đốc điều hành Công ty cổ phần hàng không Vietjet từ năm 2011-10/2020, hiện ông là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần hàng không Vietjet.
* Ông Đặng Thái Nguyên, Thành viên, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế. Ông từng là Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa từ năm 2003 đến năm 2006 và hiện là Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Việt từ năm 2006 đến nay.
* Bà Lê Thị Thu Hương, Thành viên, Cử nhân Kế toán – Kiểm toán. Bà từng là Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán AS từ năm 2011 đến năm 2012 và hiện là Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH kiểm toán Đại Tín từ năm 2012 đến 2020, hiện bà là Sáng lập viên & Giám đốc Công ty TNHH kiểm toán Chuẩn Vàng.
* Bà Phạm Thị Thanh Thúy, Thành viên, Luật sư. Bà hiện là luật sư tư vấn nội bộ Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

**Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ gồm có:**

* Ông Beat Schurch, Tổng Giám đốc, Thạc sỹ Kinh tế. Ông hiện là Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam từ ngày 30/12/2020 đến nay

|  |  |
| --- | --- |
| TP.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2022**Giám đốc điều hành Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư** **NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH**  |  |